TRUNG TÂM NCKH&ĐTCK

DANH SÁCH CHIA CA

KÌ THI CẤP CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VỀ CHỨNG KHOÁN

Mã kỳ thi: KTCM032026

Ngày thi: 02-03/07/2026

Địa điểm: Phòng 303, 304 nhà A Trung tâm NCKH&ĐTCK

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
1. MÔN NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN				
Ca 1: Từ 09H00-10H00 ngày 02/07/2026 phòng 304				
1	Nguyễn Bình An	20/11/1989	Hà Nội	01
2	Đặng Mai Anh	30/03/2003	Phú Thọ	02
3	Hà Kiều Anh	11/09/1994	Hải Phòng	03
4	Lương Nhật Anh	15/09/2003	Ninh Bình	04
5	Nguyễn Ngọc Anh	19/01/2003	Hà Nội	05
6	Nguyễn Thị Phương Anh	21/12/2003	Hà Nội	06
7	Phạm Lan Anh	02/09/2000	Hà Nội	07
8	Phùng Thị Hiền Anh	19/09/2005	Hà Nội	08
9	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/12/2003	Phú Thọ	09
10	Thái Lan Ánh	09/03/2005	Hà Tĩnh	10
11	Nguyễn Đức Bảo	08/09/2004	Hải Phòng	11
12	Trần Gia Bảo	21/01/2002	Hà Nội	12
13	Võ Công Bảo	09/10/1990	Đà Nẵng	13
14	Nguyễn Đức Bình	16/08/2003	Hà Nội	14
15	Nguyễn Thái Bình	07/10/2002	Hà Nam	15
16	Trịnh Quốc Bình	20/09/2002	Nghệ An	16
17	Bùi Ngọc Bút	14/07/1987	Hà Nội	17
18	Hoàng Huyền Châu	10/11/2004	Hà Nội	18
19	Đoàn Việt Công	06/10/1990	Ninh Bình	19
20	Đặng Quý Cường	03/12/1993	Hải Phòng	20

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
21	Đào Việt Đức	30/04/1998	Thanh Hóa	21
22	Tạ Minh Đức	03/09/1983	Bắc Giang	22
23	Nguyễn Thị Kim Dung	21/08/1997	Phú Thọ	23
24	Nguyễn Thị Mỹ Dung	05/06/1991	Nam Định	24
25	Phạm Thùy Dung	16/06/1991	Hà Tĩnh	25
26	Nguyễn Văn Dũng	14/12/1982	Hải Phòng	26
27	Nguyễn Tuấn Dương	02/01/1996	Hà Nội	27
28	Vũ Minh Dương	25/01/1987	Hải Phòng	28
29	Nguyễn Thị Duyên	22/06/2001	Bắc Ninh	29
30	Bùi Hương Giang	13/11/2000	Hà Nội	30
31	Đỗ Thị Hương Giang	10/11/1991	Thái Bình	31
32	Hoàng Văn Giang	10/10/1998	Nam Định	32
33	Phạm Trường Giang	20/03/2003	Hà Nội	33
34	Đỗ Thị Thúy Hà	01/01/1990	Hà Nội	34
35	Nguyễn Thị Hà	25/07/1983	Bắc Ninh	35
Ca 1: Từ 09H00-10H00 ngày 02/07/2026 phòng 303				
36	Nguyễn Thị Thu Hà	10/01/2003	Hải Phòng	01
37	Phạm Văn Hà	05/03/2003	Quảng Ninh	02
38	Nguyễn Minh Hằng	14/06/1998	Thanh Hóa	03
39	Phạm Thị Hằng	27/02/1997	Ninh Bình	04
40	Hà Thị Hạnh	27/05/1984	Bắc Ninh	05
41	Bùi Thị Hiên	17/02/1981	Hà Nội	06
42	Ngô Thị Mai Hiên	13/10/1989	Quảng Ninh	07
43	Nguyễn Thị Hiền	27/11/1994	Yên Bái	08
44	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	03/02/1991	Ninh Bình	09
45	Phạm Thúy Hiền	30/03/2002	Lào Cai	10
46	Nguyễn Hoàng Hiệp	12/10/2003	Hà Tĩnh	11
47	Ngô Thị Hoa	06/10/1981	Hà Nội	12
48	Mai Thu Hòa	20/04/1995	Hà Nội	13

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
49	Nguyễn Xuân Hoàng	15/05/1992	Hà Nội	14
50	Cao Phi Hùng	25/02/1993	Hà Nội	15
51	Nguyễn Đăng Hưng	15/09/2003	Hà Nội	16
52	Nguyễn Thị Hương	12/07/1999	Hải Dương	17
53	Phạm Thị Thu Hương	07/05/1991	Thái Nguyên	18
54	Trần Bích Hường	24/03/1990	Hà Nội	19
55	Nguyễn Đức Huy	18/12/2000	Hà Nội	20
56	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	30/05/1999	Bắc Giang	21
57	Phạm Thanh Huyền	26/09/1976	Hà Nội	22
58	Bùi Phú Gia Khánh	19/09/2001	Hà Nội	23
59	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	02/07/1999	Nghệ An	24
60	Đỗ Công Khoa	05/11/1984	Hải Dương	25
61	Dương Trung Kiên	12/09/1986	Hưng Yên	26
62	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	13/04/2000	Hà Nội	27
63	Đỗ Quang Lâm	17/06/2003	Hà Nội	28
64	Lê Tùng Lâm	27/10/2000	Điện Biên	29
65	Nguyễn Đỗ Tùng Lâm	26/12/2002	Thái Nguyên	30
Ca 2: Từ 10H15-11H15 ngày 02/07/2026 phòng 304				
66	Nguyễn Thị Tú Lan	27/12/1986	Hải Dương	40
67	Trần Quốc Lập	20/11/1995	Ninh Bình	39
68	Ngô Diệu Linh	03/08/2000	Hà Tây	38
69	Vũ Thùy Linh	30/12/1996	Ninh Bình	37
70	Nguyễn Thị Bích Loan	16/03/1990	Hải Phòng	36
71	Phan Thị Lộc	22/05/2001	Nghệ An	35
72	Bùi Tuấn Long	16/08/1996	Quảng Ninh	34
73	Phạm Thanh Long	02/04/1997	Hà Nội	33
74	Đoàn Ngọc Ly Ly	23/12/1984	Hà Nội	32
75	Nguyễn Thanh Mai	21/01/1999	Hà Nội	31
76	Nguyễn Đức Mạnh	31/10/2003	Hưng Yên	30

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
77	Trịnh Thị Thảo Miên	01/10/1996	Thanh Hóa	29
78	Lê Anh Minh	18/04/2003	Hà Nội	28
79	Nguyễn Ngọc Minh	15/10/2002	Hà Nội	27
80	Nguyễn Thị Ngọc Minh	05/12/2004	Hà Nội	26
81	Phạm Hoàng Minh	29/10/2003	Hà Nội	25
82	Phạm Thị Trà My	12/05/2004	Hà Nội	24
83	Đào Hải Nam	11/12/2003	Sơn La	23
84	Đàm Vân Nga	01/08/1994	Hà Nội	22
85	Nguyễn Bảo Ngân	13/07/2001	Lạng Sơn	21
86	Ngô Thị Minh Ngọc	09/01/1987	Thái Nguyên	20
87	Phạm Thị Minh Ngọc	31/07/2004	Tuyên Quang	19
88	Vũ Thị Ngọc	10/09/2002	Phú Thọ	18
89	Lê Bảo Nguyên	21/09/1989	Hà Nội	17
90	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	20/05/2002	Hà Nội	16
91	Nông Quang Ninh	11/02/1992	Hải Phòng	15
92	Hoàng Việt Phương	22/06/1986	Lào Cai	14
93	Nguyễn Mai Phương	17/12/2002	Hà Nội	13
94	Nguyễn Quỳnh Phương	14/04/1998	Hà Nội	12
95	Nguyễn Thị Thu Phương	26/12/1992	Hà Nội	11
96	Vũ Thu Phương	18/09/1996	Bắc Ninh	10
97	Phan Minh Quân	13/03/2004	Hà Nội	9
98	Nguyễn Minh Quang	19/01/2003	Hà Nội	8
99	Đàm Thu Quyên	29/07/1996	Hà Nội	7
100	Chu Thị Mai Quỳnh	02/01/2003	Nghệ An	6
101	Nguyễn Hương Quỳnh	19/09/1999	Hà Nội	5
Ca 2: Từ 10H15-11H15 ngày 02/07/2026 phòng 303				
102	Vũ Tiến Sơn	23/10/2002	Lào Cai	35
103	Nguyễn Đức Tâm	15/11/1996	Hà Nội	34
104	Vũ Hồng Thái	25/09/1989	Hà Nội	33

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
105	Nguyễn Phúc Thắng	05/01/2004	Hà Nội	32
106	Vũ Tiến Thành	25/06/2003	Nam Định	31
107	Cao Thị Thu Thảo	29/03/1994	Hưng Yên	30
108	Nguyễn Phương Thảo	24/04/1989	Bắc Ninh	29
109	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/11/1998	Hà Nội	28
110	Triệu Văn Thiết	04/02/1980	Thái Nguyên	27
111	Nguyễn Thị Xuân Thu	22/09/1990	Hà Nội	26
112	Nguyễn Thị Anh Thư	20/12/1979	Hà Nội	25
113	Đoàn Văn Tĩnh	06/07/1991	Hải Phòng	24
114	Đào Quốc Toàn	15/11/1996	Hưng Yên	23
115	Nguyễn Xuân Toàn	10/07/1989	Nghệ An	22
116	An Quỳnh Trang	07/04/2002	Hà Nội	21
117	Đỗ Minh Trang	03/08/1994	Tuyên Quang	20
118	Hoàng Nguyễn Quỳnh Trang	09/09/1985	Nghệ An	19
119	Lê Thị Thanh Trang	20/01/2001	Thanh Hóa	18
120	Phan Thị Trang	03/02/1994	Bắc Ninh	17
121	Phùng Duy Trung	29/05/2001	Hà Nội	16
122	Đỗ Xuân Trường	24/09/1989	Lai Châu	15
123	Hoàng Minh Tuấn	29/09/1999	Hà Nam	14
124	Nguyễn Ngọc Tuấn	28/09/2000	Phú Thọ	13
125	Đặng Thanh Tùng	05/03/2000	Hà Nội	12
126	Nguyễn Ánh Tuyết	29/05/2000	Hà Tây	11
127	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	08/12/1999	Đà Nẵng	10
128	Nguyễn Thảo Vân	07/07/1995	Vĩnh Phúc	9
129	Dương Thành Vi	03/04/1994	Hải Phòng	8
130	Nguyễn Văn Vu	10/10/1987	Hải Phòng	7
131	Phạm Quang Vũ	17/07/2002	Hà Nội	6
132	Bùi Thị Hải Yến	09/08/1987	Thanh Hóa	5
133	Đỗ Hải Yến	13/07/2002	Hải Phòng	4

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
2. MÔN PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN				
Ca 3: Từ 13H30-14H30 ngày 02/07/2026 phòng 304				
134	Phùng Thúy An	26/05/2002	Hà Nội	01
135	Vũ Tiến Anh	13/05/2002	Hải Phòng	03
136	Trần Thế Anh	17/11/2002	Hải Phòng	05
137	Phùng Thị Hiền Anh	19/09/2005	Hà Nội	07
138	Phạm Ngọc Minh Anh	13/11/1999	Hà Nội	09
139	Đặng Mai Anh	30/03/2003	Phú Thọ	11
140	Võ Công Bảo	09/10/1990	Đà Nẵng	13
141	Nguyễn Thị Bình	20/09/1981	Hưng Yên	15
142	Nguyễn Hải Cường	07/12/1994	Thái Nguyên	17
143	Phan Mạnh Đức	27/10/2004	Hải Phòng	19
144	Nguyễn Quang Đức	25/10/2004	Hà Nội	21
145	Ngô Thị Đức	01/03/1982	Nghệ An	23
146	Lư Gia Đức	23/11/1998	Hà Nội	25
147	Trịnh Anh Dũng	26/06/1999	Hà Nội	27
148	Tạ Trùng Dương	01/12/2001	Đồng Nai	29
149	Phạm Văn Hà	05/03/2003	Quảng Ninh	31
150	Giang Quang Hiếu	21/10/1995	Hà Nội	33
151	Bùi Thị Minh Hiếu	04/02/1999	Thanh Hóa	35
152	Phạm Thị Hoa	01/02/1981	Thanh Hóa	37
153	Phạm Lê Hoàng	02/11/1993	Hà Nội	02
154	Đặng Huy Hoàng	18/02/1985	Nghệ An	04
155	Trương Bách Hùng	27/07/1995	Ninh Bình	06
156	Đỗ Duy Hưng	14/05/2003	Hà Nội	08
157	Nguyễn Quang Huy	29/09/2001	Hà Tây	10
158	Lê Thanh Huyền	28/06/1996	Hà Nội	12
159	Dương Trung Kiên	12/09/1986	Hưng Yên	14
160	Vi Thị Kim	01/07/1988	Lạng Sơn	16

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
161	Lê Tùng Lâm	27/10/2000	Điện Biên	18
162	Lê Khánh Linh	23/04/2001	Hà Nội	20
163	Nguyễn Thị Bích Loan	16/03/1990	Hải Phòng	22
164	Trần Thế Lợi	12/10/1987	Nam Định	24
165	Nguyễn Ngọc Mai	19/07/2002	Quảng Ninh	26
166	Ma Đức Mạnh	13/06/1992	Phú Thọ	28
167	Nguyễn Trường Nam	17/04/1998	Hà Nội	30
168	Phạm Đình Nghị	28/03/1987	Hưng Yên	32
169	Phan Bích Ngọc	22/01/2001	Hải Phòng	34
Ca 3: Từ 13H30-14H30 ngày 02/07/2026 phòng 303				
170	Nguyễn Thành Nguyên	23/10/1987	Nam Định	01
171	Đỗ Thu Thảo Nguyên	15/07/1997	Thanh Hóa	03
172	Nông Quang Ninh	11/02/1992	Hải Phòng	05
173	Nguyễn Đức Sơn	14/05/1994	Ninh Bình	07
174	Nguyễn Hữu Thái	25/12/1999	Nghệ An	09
175	Nguyễn Văn Thủy	20/05/1989	Ninh Bình	11
176	Lê Thị Thu Trang	13/06/1992	Thanh Hóa	13
177	Lê Mai Trang	11/05/2003	Hà Nội	15
178	Đặng Thị Thu Trang	27/08/1983	Thái Nguyên	17
179	Đoàn Thanh Tùng	25/03/1995	Hải Phòng	19
180	Đào Hoàng Tùng	25/04/1984	Hà Nội	21
181	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	08/12/1999	Đà Nẵng	23
182	Lê Phương Uyên	25/07/1995	Hà Nội	25
3. MÔN MÔI GIỚI VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN				
Ca 3: Từ 13H30-14H30 ngày 02/07/2026 phòng 303				
183	Nguyễn Tuấn Anh	19/05/1984	Hải Phòng	27
184	Lương Tuấn Anh	25/12/1995	Hà Nội	29
185	Đặng Thế Anh	10/05/1990	Phú Thọ	02
186	Vũ Tiến Anh	13/05/2002	Hải Phòng	04

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
187	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/06/2003	Tuyên Quang	06
188	Võ Công Bảo	09/10/1990	Đà Nẵng	08
189	Nguyễn Văn Bình	02/12/1990	Hưng Yên	10
190	Trần Việt Dũng	30/08/1980	Hà Nội	12
191	Trần Văn Hải	29/09/1993	Nghệ An	14
192	Nguyễn Thu Hằng	09/04/1994	Hải Phòng	16
193	Phạm Thị Hạnh	04/03/1996	Ninh Bình	18
194	Nguyễn Minh Hiếu	29/11/1997	Hải Phòng	20
195	Lê Thanh Huyền	28/06/1996	Hà Nội	22
196	Lê Khánh Linh	23/04/2001	Hà Nội	24
197	Nguyễn Thị Bích Loan	16/03/1990	Hải Phòng	26
198	Trần Thế Lợi	12/10/1987	Nam Định	28
199	Lương Việt Long	23/06/1990	Hà Nội	30
200	Nguyễn Thị Mai	26/03/1993	Hà Nội	32
Ca 4: Từ 14H45-15H45 ngày 02/07/2026 phòng 304				
201	Trần Hoài Nam	05/08/1999	Hải Phòng	01
202	Phạm Thị Quỳnh Nga	23/11/2002	Bắc Ninh	02
203	Hoàng Thị Bích Thảo	13/07/1992	Hà Nội	03
204	Nguyễn Minh Trang	22/03/2000	Thanh Hóa	04
205	Vũ Thị Minh Trang	29/08/1993	Thanh Hóa	05
206	Lê Duy Tuân	27/04/2000	Thanh Hóa	06
207	Hoàng Viết Tùng	07/11/1984	Nghệ An	07
208	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	08/12/1999	Đà Nẵng	08
209	Bùi Thị Hải Yến	09/08/1987	Thanh Hóa	09
4. MÔN PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP				
Ca 4: Từ 14H45-15H45 ngày 02/07/2026 phòng 304				
210	Nguyễn Phương Anh	05/05/2002	Hà Nội	10
211	Tống Thị Kim Dung	31/03/1998	Ninh Bình	11
212	Nguyễn Đức Hà	11/11/1996	Ninh Bình	12

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
213	Bùi Lý Bích Hà	24/05/1985	Hà Nội	13
214	Phạm Thị Thúy Hằng	30/11/1981	Hà Nội	14
215	Bùi Thị Hiên	17/02/1981	Hà Nội	15
216	Vũ Đức Hoàng	09/11/1999	Hà Nội	16
217	Nguyễn Thu Hương	28/08/1997	Hà Nội	17
218	Quách An Khánh	29/09/2000	Hà Nội	18
219	Nguyễn Thị Ngọc Liên	31/08/2001	Hà Nội	19
220	Hoàng Diệu Linh	16/11/1990	Hà Nội	20
221	Nguyễn Tiến Ngọc	04/06/1993	Quảng Trị	21
222	Đào Xuân Sang	13/02/1990	Hà Nội	22
223	Đỗ Trường Đại Thành	01/05/1997	Thái Bình	23
224	Trần Thị Quỳnh Trang	20/12/1986	Ninh Bình	24
5. TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN				
Ca 4: Từ 14H45-15H45 ngày 02/07/2026 phòng 303				
225	Nguyễn Đức Anh	06/06/1997	Hà Nội	01
226	Nguyễn Minh Châu	05/10/1997	Thanh Hóa	02
227	Bùi Thị Thương Chính	29/09/1989	Hà Nội	03
228	Phan Mạnh Đức	27/10/2004	Hải Phòng	04
229	Phạm Đức Dũng	27/04/1992	Lạng Sơn	05
230	Phạm Thị Thu Hằng	14/09/2002	Bắc Ninh	06
231	Hoàng Thị Thanh Huệ	15/06/1983	Hà Nội	07
232	Cao Phi Hùng	25/02/1993	Hà Nội	08
233	Phạm Thu Hương	17/06/1982	Hà Nội	09
234	Lưu Viết Khắc	28/07/1987	Ninh Bình	10
235	Nguyễn Thị Ngọc Liên	31/08/2001	Hà Nội	11
236	Trần Mỹ Linh	25/02/1998	Ninh Bình	12
237	Phan Thị Lộc	22/05/2001	Nghệ An	13
238	Nguyễn Thị Hương Minh	05/09/1995	Hà Giang	14
239	Nguyễn Anh Minh	25/07/2003	Hà Nội	15

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
240	Nguyễn Tiến Ngọc	04/06/1993	Quảng Trị	16
241	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/09/1990	Yên Bái	17
242	Chử Bảo Ngọc	22/05/1998	Phú Thọ	18
243	Phạm Hồng Quân	28/08/1993	Phú Thọ	19
244	Nguyễn Minh Quân	16/03/2004	Hà Nội	20
245	Trần Thị Quý	10/06/1992	Ninh Bình	21
246	Nguyễn Hoàng Sào	06/07/1983	Nghệ An	22
247	Đỗ Trường Đại Thành	01/05/1997	Thái Bình	23
248	Phạm Thị Phương Thảo	29/01/1995	Hải Phòng	24
249	Nguyễn Văn Thiệu	25/05/1995	Ninh Bình	25
250	Dương Thùy Trang	11/04/2003	Thanh Hóa	26
251	Vũ Đức Trung	28/03/1997	Hà Nội	27
252	Hoàng Thương Trường	06/07/2003	Thái Nguyên	28
253	Hoàng Trần Thảo Vân	16/11/2000	Ninh Bình	29
254	Hồ Thị Như Ý	04/06/1985	Quảng Trị	30
6. PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN				
Ca 4: Từ 14H45-16H15 ngày 02/07/2026 phòng 304				
255	Đặng Thế Anh	10/05/1990	Phú Thọ	25
256	Ngô Phương Anh	27/05/1998	Hà Nội	26
257	Nguyễn Quang Anh	20/01/1998	Ninh Bình	27
258	Phạm Lan Anh	02/09/2000	Hà Nội	28
259	Trần Tuấn Anh	20/07/1991	Thái Nguyên	29
260	Vũ Mai Anh	17/09/1996	Tuyên Quang	30
261	Vũ Vân Anh	09/12/1999	Thái Nguyên	31
262	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/06/2003	Tuyên Quang	32
263	Lê Đăng Bảo	24/08/1992	Thanh Hóa	33
264	Bùi Thị Phương Dung	17/01/1991	Hà Nội	34
265	Nguyễn Thùy Dung	16/01/1987	Hà Nội	35
Ca 5: Từ 08H30-10H00 ngày 03/07/2026 phòng 304				

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
266	Tống Thị Kim Dung	31/03/1998	Ninh Bình	01
267	Nguyễn Thùy Dương	24/02/2003	Hà Nội	02
268	Nguyễn Thị Giang	28/08/1984	Hà Nội	03
269	Nông Quỳnh Giao	07/03/1985	Yên Bái	04
270	Nguyễn Đức Hà	11/11/1996	Ninh Bình	05
271	Tạ Ngọc Hải Hà	31/08/1991	Hà Nội	06
272	Trần Thị Hà	23/08/2002	Ninh Bình	07
273	Đinh Thị Thu Hằng	20/04/1996	Ninh Bình	08
274	Vũ Đức Hoàng	09/11/1999	Hà Nội	09
275	Nguyễn Ngọc Hùng	01/08/1988	Hưng Yên	10
276	Chu Thị Thanh Hương	11/11/1984	Hưng Yên	11
277	Nguyễn Thị Thu Hương	16/08/2003	Hà Nội	12
278	Nguyễn Thị Hường	20/05/1996	Nghệ An	13
279	Trần Thu Hường	20/11/1990	Hà Nội	14
280	Đàm Thị Thu Huyền	05/11/1993	Hưng Yên	15
281	Vũ Hoàng Khiêm	18/07/2001	Nam Định	16
282	Lê Tùng Lâm	27/10/2000	Điện Biên	17
283	Đỗ Mỹ Linh	18/09/1996	Hà Nội	18
284	Hoàng Phương Linh	18/10/2001	Hungary	19
285	Nguyễn Thị Bích Loan	16/03/1990	Hải Phòng	20
286	Phạm Vũ Hà My	21/03/2006	Ninh Bình	21
287	Nguyễn Tiến Nghĩa	28/07/2001	Hà Nội	22
288	Đỗ Thị Bích Ngọc	26/08/1992	Hà Nội	23
289	Nguyễn Thành Nguyên	23/10/1987	Nam Định	24
290	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	20/05/2002	Hà Nội	25
291	Nguyễn Trung Phi	18/09/1987	Phú Thọ	26
292	Đỗ Diệp Phương	03/10/1995	Hà Nội	27
293	Lê Thiện Quyết	04/06/1983	Hưng Yên	28
294	Đỗ Trường Đại Thành	01/05/1997	Thái Bình	29

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
295	Trần Phương Thảo	19/10/2003	Hưng Yên	30
296	Nguyễn Văn Thủy	20/05/1989	Ninh Bình	31
297	Đỗ Thị Hồng Trang	19/04/2002	Vĩnh Phúc	32
298	Lê Thị Hà Trang	18/03/2001	Quảng Ninh	33
299	Nguyễn Minh Trang	22/03/2000	Thanh Hóa	34
300	Nguyễn Thị Kiều Trang	27/08/2003	Hải Phòng	35
Ca 5: Từ 08H30-10H00 ngày 03/07/2026 phòng 303				
301	Nguyễn Thị Thu Trang	06/01/2001	Hưng Yên	01
302	Phan Thị Trang	03/02/1994	Bắc Ninh	02
303	Nguyễn Đình Trung	01/02/2002	Nghệ An	03
304	Đỗ Xuân Trường	24/09/1989	Lai Châu	04
305	Lê Minh Tuấn	18/11/1986	Hà Nội	05
306	Nguyễn Duy Quốc Tuấn	27/06/2005	Quảng Ninh	06
307	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	08/12/1999	Đà Nẵng	07
308	Trương Xuân Vinh	26/09/2002	Thanh Hóa	08
7. QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VÀ TÀI SẢN				
Ca 5: Từ 08H30-10H00 ngày 03/07/2026 phòng 303				
309	Nguyễn Phương Anh	05/05/2002	Hà Nội	09
310	Trần Ngọc Anh	17/12/1989	Hà Nội	10
311	Phạm Hoàng Anh	24/03/1992	Hồng Kong	11
312	Nguyễn Đức Chung	21/02/1986	Hà Nội	12
313	Nguyễn Hải Diệp	13/01/1984	Hà Nội	13
314	Nguyễn Thu Hà	12/11/1971	Hà Nội	14
315	Thái Hồng Hạnh	02/03/1984	Hà Nội	15
316	Phạm Hồng Hạnh	28/07/1987	Hà Nội	16
317	Lê Thị Hạnh	24/10/1992	Thanh Hóa	17
318	Đào Thị Hoa	14/10/1995	Hưng Yên	18
319	Phan Thị Ánh Hồng	05/09/1981	Thái Nguyên	19
320	Dương Trung Kiên	12/09/1986	Hưng Yên	20

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
321	Trần Mỹ Linh	25/02/1998	Ninh Bình	21
322	Nguyễn Thị Châu Loan	02/12/1987	Hà Nội	22
323	Chung Ngọc Mai	20/06/1989	Thanh Hóa	23
324	Nguyễn Bích Ngọc	02/11/2002	Hà Nội	24
325	Vương Hồng Ngọc	10/12/1992	Lạng Sơn	25
326	Vũ Thị HồngNhung	04/12/1997	Hưng Yên	26
327	Nguyễn Thị Phượng	21/02/1986	Hưng Yên	27
328	Nguyễn Thu Thắm	05/09/2000	Hà Nội	28
329	Nguyễn Huy Thành	30/04/1988	Hà Nội	29
330	Đỗ Trường Đại Thành	01/05/1997	Thái Bình	30
Ca 6: Từ 10H15-11H45 ngày 03/07/2026 phòng 304				
331	Nguyễn Phương Thảo	20/02/1996	Quảng Ninh	35
332	Phạm Thị Thủy	19/02/1999	Ninh Bình	34
333	Nguyễn Hải Vân	19/12/1985	Hà Nội	33
334	Trần Quang Vinh	01/05/1980	Hà Nội	32
335	Nguyễn Đình Vũ	10/08/1990	Hà Nội	31
8. CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH				
Ca 6: Từ 10H15-11H45 ngày 03/07/2026 phòng 303				
336	Vũ Viết Anh	15/11/1999	Hải Phòng	30
337	Vũ Thùy Chi	16/12/1989	Hà Nội	29
338	Chu Kim Chi	26/07/1993	Hà Nội	28
339	Trương Công Đạt	10/04/1997	Hà Tĩnh	27
340	Nguyễn Duy Định	14/12/1983	Phú Thọ	26
341	Phạm Minh Đức	28/11/1983	Hà Nội	25
342	Trịnh Anh Dũng	26/06/1999	Hà Nội	24
343	Nguyễn Văn Dũng	08/03/1987	Nghệ An	23
344	Nguyễn Hoàng Dũng	09/05/2000	Hà Nội	22
345	Vũ Tiến Dương	19/09/1992	Hải Phòng	21
346	Trần Thái Dương	12/11/1978	Hải Dương	20

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
347	Ma Hồng Hải	28/09/1997	Thái Nguyên	19
348	Hoàng Trung Hiếu	09/01/1994	Hà Nam	18
349	Lê Thị Hoa	20/08/2000	Tuyên Quang	17
350	Ngô Đức Hoàng	22/07/1996	Hà Nội	16
351	Bùi Mai Hồng	04/09/1997	Phú Thọ	15
352	Trần Thị Huệ	10/10/1994	Nghệ An	14
353	Nguyễn Tuấn Hưng	29/09/1987	Hải Phòng	13
354	Vũ Văn Hưởng	25/02/1994	Ninh Bình	12
355	Trần Anh Huy	01/01/1998	Đà Nẵng	11
356	Trần Thị Thu Huyền	12/09/1991	Hà Nội	10
357	Đàm Quang Khang	01/12/1984	Thái Nguyên	9
358	Hoàng Kim Khương	05/06/1993	Hưng Yên	8
359	Dương Thị Lê	14/11/1992	Thanh Hóa	7
360	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/05/1991	Bắc Ninh	6
361	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/06/1998	Nghệ An	5
362	Lê Phương Linh	20/08/1997	Nghệ An	4
363	Hoàng Phương Linh	18/10/2001	Hungary	3
364	Đinh Thị Loan	07/09/2000	Ninh Bình	2
365	Nguyễn Tiến Lợi	22/08/1990	Hải Phòng	1
Ca 6: Từ 10H15-11H45 ngày 03/07/2026 phòng 303				
366	Đinh Thăng Long	23/04/1986	Ninh Bình	30
367	Lê Hoài Ly	01/07/1996	Thái Nguyên	29
368	Trần Thị Miền	04/04/1998	Hưng Yên	28
369	Phạm Quang Minh	15/03/1995	Thanh Hóa	27
370	Nguyễn Danh Minh	12/07/1990	Thanh Hóa	26
371	Đặng Thế Nam	12/03/1993	Yên Bái	25
372	Phạm Thị Hồng Ngọc	07/07/1994	Lào Cai	24
373	Nguyễn Bích Ngọc	02/11/2002	Hà Nội	23
374	Đỗ Thu Thảo Nguyên	15/07/1997	Thanh Hóa	22

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
375	Nghiêm Văn Nhất	11/02/1991	Hà Nội	21
376	Nguyễn Vương Nhi	04/12/2004	Hà Nội	20
377	Trịnh Thị Phúc	24/12/1996	Thanh Hóa	19
378	Phạm Hồng Phúc	07/09/1981	Hải Phòng	18
379	Phạm Văn Sơn	18/09/1995	Thanh Hóa	17
380	Phạm Thị Ngọc Thịnh	20/11/1996	Thanh Hóa	16
381	Lê Thị Thơm	09/10/1995	Nghệ An	15
382	Trần Thị Huyền Trang	12/06/1997	Hà Nội	14
383	Phạm Vũ Hà Trang	05/02/1999	Ninh Bình	13
384	Nguyễn Thị Thu Trang	26/12/1995	Hà Nội	12
385	Khương Văn Trang	25/08/1996	Ninh Bình	11
386	Đỗ Văn Tuyển	29/12/1992	Hải Phòng	10
387	Trần Thị Thu Uyên	21/07/1999	Ninh Bình	9
388	Vũ Tuấn Việt	02/12/1997	Hải Phòng	8
389	Nguyễn Hà Vy	17/01/1998	Hà Nội	7
390	Nguyễn Thị Thu Yến	24/07/1996	Thanh Hóa	6